

Hà Nội, ngày 08 tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO
V/v tình hình việc làm sinh viên tốt nghiệp năm 2021

Thực hiện Công văn số 3943/BGDĐT-GDDH của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 31 tháng 8 năm 2018 về việc báo cáo về tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác triển khai thực hiện và kết quả việc thu thập thông tin về việc làm của sinh viên Đại học tốt nghiệp năm 2021.

I. Phương pháp và quy trình khảo sát việc làm của sinh viên

Căn cứ công văn số 3943/BGDĐT-GDDH, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội triển khai công tác khảo sát tình hình việc làm của sinh viên đại học tốt nghiệp năm 2021, cụ thể như sau:

- Xây dựng kế hoạch khảo sát và thông báo trên website của nhà trường (*Kế hoạch số 237/KH-ĐHCN ngày 28 tháng 6 năm 2022*). Thời gian khảo sát: trong vòng 01 tháng: từ ngày 10/7/2022 đến 10/8/2022.

- Phiếu khảo sát (*Phụ lục 1*).

- Phần mềm về khảo sát việc làm sau 01 năm tích hợp trên trang đại học điện tử: <http://dchcnh.vn>.

- Khảo sát trực tuyến dành riêng cho sinh viên tại địa chỉ <http://ks.dchcnh.vn>.

- Cách thức khảo sát: Cựu sinh viên tham gia khảo sát trực tuyến tại <http://ks.dchcnh.vn>; các Khoa đào tạo gọi điện lấy thông tin trả lời trực tiếp của cựu sinh viên nhập vào hệ thống.

II. Kết quả khảo sát việc làm của sinh viên

- Mẫu khảo sát: **5677** sinh viên (toàn bộ sinh viên tốt nghiệp năm 2021).

- Số cựu sinh viên phản hồi: **3958**. Tỷ lệ phản hồi đạt **69,72%**.

- Tỷ lệ sinh viên phản hồi của từng ngành đào tạo đảm bảo theo yêu cầu Công văn số 2919/BGDĐT-GDDH ngày 10 tháng 7 năm 2017.

Kết quả khảo sát cho thấy (*chi tiết trong mẫu 01, 02, 03*):

- Tổng số cựu sinh viên hiện tại có việc làm và đang học nâng cao trình độ là **3739/3958**, ứng với tỷ lệ có việc làm đạt **94,47%**. Có **74** cựu sinh viên (chiếm

1,87% trên số phản hồi) đã từng có việc làm nhưng cho rằng công việc hoặc mức lương không phù hợp nên ở thời điểm khảo sát đang tạm thời nghỉ việc.

- Tỷ lệ cựu sinh viên có việc làm phù hợp với ngành đào tạo: có **3023/3958** sinh viên, chiếm **85,35%** cựu sinh viên cho rằng việc làm hiện tại phù hợp với ngành được đào tạo.

- Khu vực làm việc của cựu sinh viên: doanh nghiệp tư nhân chiếm **64,96%**, doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài chiếm **25,24%**, khu vực nhà nước chiếm tỷ lệ nhỏ chỉ **3,25%** và sinh viên tự tạo việc làm chiếm **6,55%**.

- Mức thu nhập bình quân của cựu sinh viên: **9,97** triệu đồng/tháng.

III. Kiến nghị của nhà trường

Qua kết quả khảo sát về việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2021, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội đề xuất với Bộ Giáo dục và Đào tạo:

- Tiếp tục được tuyển sinh và tổ chức đào tạo các ngành/chương trình đào tạo trình độ Đại học với tổng chỉ tiêu và phân bổ chỉ tiêu theo năng lực đào tạo của Nhà trường đã báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thiết lập kênh cung cấp các thông tin về tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp của các cơ sở giáo dục đào tạo khác để làm căn cứ đối sánh giữa các cơ sở đào tạo.

- Cần có cơ chế để có sự tham gia giảng dạy của các doanh nghiệp trong quá trình đào tạo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT.TT&QHCT (đưa lên website), ĐT;
- Lưu: VT, HTDN.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

Kiều Xuân Thục

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2021

Trình độ đào tạo: Đại học

TT	Mã ngành	Tên ngành	Số SVTN		Số SV phản hồi		Tình hình việc làm					Tỷ lệ SV có việc làm / tổng số SV phản hồi	Khu vực làm việc			
			Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm		Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài
							Đúng ngành	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo							
(1)	(2)	(3)	(4)	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	7540204	Công nghệ dệt, may	143	137	140	134	60	51	21	2	6	95.71%	4	78	10	40
2	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	284	4	198	2	44	95	35	12	12	93.94%	6	65	12	91
3	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	456	5	257	2	165	59	13	7	13	94.94%	7	106	6	118
4	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	370	44	227	34	43	123	25	25	11	95.15%	5	126	9	51
5	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	541	32	277	24	75	130	47	16	9	96.75%	10	122	12	108
6	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	273	8	185	7	53	89	29	6	8	95.68%	3	80	8	80
7	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	112	64	104	61	44	31	16	7	6	94.23%	10	59	3	19
8	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	82	8	71	8	8	39	9	11	4	94.37%	2	47	1	6
9	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	18	4	18	4	8	4	6	0	0	100%	2	13	0	3
10	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	133	1	115	1	51	41	14	6	3	97.39%	1	75	8	22
11	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	389	4	236	3	113	123	0	0	0	100.00%	0	234	1	1
12	7480201	Công nghệ thông tin	284	57	196	44	162	17	11	1	5	97.45%	7	148	6	29

13	7480104	Hệ thống thông tin	114	32	94	26	63	14	10	0	7	92.55%	2	48	8	29
14	7340301	Kế toán	627	597	344	337	165	97	51	7	24	93.02%	11	251	21	30
15	7480101	Khoa học máy tính	125	20	100	17	70	14	13	0	3	97.00%	4	56	7	30
16	7340302	Kiểm toán	109	100	91	82	22	51	8	2	8	91.21%	1	70	3	7
17	7310104	Kinh tế đầu tư	26	19	26	19	5	5	3	13	0	100.00%	0	8	1	4
18	7480103	Kỹ thuật phần mềm	191	26	150	22	118	14	17	1	0	100.00%	10	98	13	28
19	7480102	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	52	12	49	11	4	20	14	10	1	97.96%	2	16	5	15
20	7340115	Marketing	52	45	50	43	19	19	4	7	1	98.00%	0	38	1	3
21	7220201	Ngôn ngữ Anh	202	174	156	139	15	83	34	11	13	91.67%	4	62	8	58
22	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	80	74	77	71	22	52	2	0	1	98.70%	2	15	4	55
23	7340101	Quản trị kinh doanh	584	460	404	326	81	184	63	36	40	90.10%	9	245	57	17
24	7340404	Quản trị nhân lực	102	85	102	85	29	47	6	8	12	88.24%	2	67	2	11
25	7340406	Quản trị văn phòng	85	76	74	67	9	39	9	4	13	82%	2	44	4	7
26	7340201	Tài chính - Ngân hàng	122	96	107	84	56	21	25	1	4	96.26%	8	70	4	20
27	7210404	Thiết kế thời trang	39	38	39	38	8	21	4	0	6	84.62%	1	24	6	2
28	7310630	Việt Nam học	82	66	71	60	9	19	30	4	9	87.32%	0	36	12	10
Tổng			5677	2288	3958	1751	1521	1502	519	197	219	94.47%	115	2301	232	894